



TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: **03** (84) 2024

ISSN 1859-2635

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ**

CVRSS

Tap chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Trần Minh Đức

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Ủy viên Bộ Chính trị

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hoá

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Băng Tâm

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuần

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BAN BIÊN TẬP

ThS. Châu Ngọc Hoè

ThS. Lưu Thị Diệu Hiền

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 3 tháng 1 kỳ

Số 03 năm 2024

Năm thứ mười bảy

Mục lục

- Cải cách nền hành chính nhà nước theo tinh thần Nghị quyết 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới..... **3**
Vũ Công Giao, Hoàng Thị Thu Thủy
- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động thương mại quốc tế: Một số giải pháp cho Việt Nam**14**
Nguyễn Văn Lịch, Trần Hồng Anh
- Thu hút đầu tư vào các khu kinh tế ven biển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.....**24**
Nguyễn Hoàng Yến, Tống Thị Hải Hạnh, Phan Hồng Hà
- Các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất ngành công nghiệp chế biến tại vùng kinh tế trọng điểm miền Trung**33**
Phan Thị Sông Thương, Đặng Thị Kim Dung, Hồ Thị Kim Thùy, Nguyễn Văn Bảo
- Đánh giá quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch bền vững bằng phương pháp tiếp cận mô hình IPA: Nghiên cứu trường hợp vùng Tây Nguyên **44**
Nguyễn Danh Nam, Ưông Thị Ngọc Lan
- Các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý chuỗi cung ứng của doanh nghiệp: Trường hợp các doanh nghiệp bán lẻ ở chợ truyền thống tỉnh Đồng Nai.....**54**
Phan Phong Vũ
- Kinh nghiệm xử lý rác thải bằng phương pháp đốt phát điện: Nghiên cứu vận dụng cho thành phố Đà Nẵng**62**
Đinh Thế Toàn, Nguyễn Hoàng Yến
- Quyết định điểm đến văn hóa của khách du lịch một mình: Phân tích mạng tại thành phố Hội An**72**
Hà Thu Uyên, Bùi Thị Minh Thu
- Nghiên cứu chất lượng dịch vụ viễn thông di động tại Tổng công ty viễn thông Viettel.....**84**
Nguyễn Minh Trí, Từ Quang Phương, Thái Vân Hà
- Kinh nghiệm của một số thành phố trên thế giới về xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo và bài học rút ra cho thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.....**96**
Hà Đình Thành, Hà Huy Ngọc
- Nhận diện kiến trúc đình làng Nam Trung Bộ **106**
Lê Xuân Thông, Nguyễn Song Tuấn Hải
- Quá trình du nhập của y học phương Tây vào Việt Nam trong thế kỉ XVII-XVIII: Vai trò của giáo sĩ Dòng Tên..... **118**
Trương Anh Thuận
- Văn hoá ẩm thực của người Chăm Ahiér ở Ninh Thuận, nhìn từ đặc trưng sinh thái và cấu trúc xã hội..... **126**
Trần Thị Thái
- Kết cấu tự sự trong kịch hát Việt Nam 1945 – 1975 **135**
Phạm Ngọc Hiền
- Hoà giải bạo lực đối với người cao tuổi: Khoảng cách giữa quy định và thực tế **142**
Phan Huyền Dân

Giấy phép xuất bản số 81/GP-BTTTT cấp ngày 01 tháng 04 năm 2024

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ; In 100 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 03 năm 2024.

In tại Công ty TNHH in Trùng Khoa, số 28 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nộp lưu chiếu tháng 9/2024.

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review

No. 03, 2024

The 17th Year

Contents

1. Reforming the state administrative system in accordance with Resolution 27-NQ/TW on continuing to build and perfect the Vietnamese socialist rule-of-law state in the new period.....**3**
Vu Cong Giao, Hoang Thi Thu Thuy
 2. Applications of artificial intelligence in the international trade: Solutions for Vietnam **14**
Nguyen Van Lich, Tran Hong Anh
 3. Attracting investment into the coastal economic zones of the Central Key Economic Region....**24**
Nguyen Hoang Yen, Tong Thi Hai Hanh, Phan Hong Ha
 4. Factors affecting the productivity of the processing industry in the Central key economic region**33**
Phan Thi Song Thuong, Dang Thi Kim Dung, Ho Thi Kim Thuy, Nguyen Van Bao
 5. Assessment of state management for sustainable tourism development using IPA model approach: A case study of the Central Highlands.....**44**
Nguyen Danh Nam, Uong Thi Ngoc Lan
 6. Factors affecting the application of digital technology in supply chain management: A case study of retail businesses in traditional markets in Dong Nai province**54**
Phan Phong Vu
 7. Experience in Waste Treatment by Waste-to-Energy Incineration: A Study on Application for Da Nang City**62**
Dinh The Toan, Nguyen Hoang Yen
 8. Solo Travelers' Cultural Destination Decisions: A Network Analysis in Hoi An City**72**
Ha Thu Uyen, Bui Thi Minh Thu
 9. Assessing service quality of mobile telecommunications at Viettel Telecommunications Corporation**84**
Nguyen Minh Tri, Tu Quang Phuong, Thai Van Ha
 10. Experiences of some cities around the world in building Innovation Centers and lessons learned for Vinh City, Nghe An Province.....**96**
Ha Dinh Thanh, Ha Huy Ngoc
 11. The identification of communal house architecture in the South Central region.....**106**
Le Xuan Thong, Nguyen Song Tuan Hai
 12. The introduction of Western medicine into Vietnam during the 17th and 18th centuries: The role of Jesuit missionaries..... **118**
Truong Anh Thuan
 13. Culinary culture of the Cham Ahiér in Ninh Thuan province from ecological and social structural perspectives**126**
Tran Thi Thai
 14. Narrative structure in Vietnamese musical theatre between 1945 and 1975**135**
Pham Ngoc Hien
 15. Mediation of Violence Against the elderly: The gap between Regulation and Practice**142**
Phan Huyen Dan
-

Cải cách nền hành chính nhà nước theo tinh thần Nghị quyết 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới

Vũ Công Giao

Trường Đại học Luật – ĐHQG Hà Nội

Hoàng Thị Thu Thủy

Học viện Chính trị khu vực III

Email liên hệ: hoangthuyhv3@gmail.com

Tóm tắt: Cải cách nền hành chính nhà nước là một mục tiêu lớn, trọng tâm trong việc hoàn thiện tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước ta. Bài viết tập trung đánh giá thực trạng cải cách hành chính ở nước ta hiện nay, chỉ ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân. Đặc biệt, xác định những chủ trương lớn liên quan đến xây dựng nền hành chính nhà nước và cải cách hành chính theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW của Bộ Chính trị, đồng thời gợi mở một số giải pháp để thực hiện những chủ trương đó trong thời gian tới.

Từ khóa: nền hành chính nhà nước, cải cách hành chính, nhà nước pháp quyền.

Reforming the state administrative system in accordance with Resolution 27-NQ/TW on continuing to build and perfect the Vietnamese socialist rule-of-law state in the new period

Abstract: Reforming the state administrative system is a major and central goal in improving the organization and operation of our state apparatus. This article focuses on assessing our country's current state of administrative reform, highlighting its achievements, limitations, and causes. Notably, it identifies major policies related to building the state administrative system and administrative reform in the spirit of Resolution No.27-NQ/TW of the Politburo, while suggesting several solutions to implement these policies in the coming time.

Keywords: state administrative system, administrative reform, rule-of-law state.

Ngày nhận bài: 19/7/2024 **Ngày phản biện:** 25/7/2024 **Ngày duyệt đăng:** 10/9/2024

1. Đặt vấn đề

Cải cách hành chính có mối quan hệ mật thiết với quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Mối quan hệ giữa cải cách hành chính và xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thể hiện thông qua các đặc trưng cơ bản nhất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm tính tối cao của Hiến pháp và yêu cầu thượng tôn pháp luật trong đời sống nhà nước và xã hội; quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Trong mối quan hệ này, mục tiêu của cải cách hành chính là nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, góp phần thúc đẩy hoàn thiện hệ thống thể chế, pháp luật và hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

2. Khái quát thực trạng nền hành chính và cải cách hành chính ở nước ta hiện nay

Vấn đề xây dựng nền hành chính nhà nước (HCNN) nói chung, cải cách hành chính (CCHC) nói riêng đã được Đảng và Nhà nước ta quan tâm thực hiện từ rất sớm, nhưng ngày càng được chú trọng và đẩy mạnh kể từ khi Đổi mới (1986). Đây là một yêu cầu khách quan,

cấp thiết nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả nền hành chính nhà nước trong điều kiện xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Do nhu cầu cấp thiết của công cuộc đổi mới, Nghị quyết Đại hội VI (1986) đã đặt ra yêu cầu sắp xếp lại tổ chức bộ máy nhà nước theo hướng gọn nhẹ, giảm đầu mối (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1986). Nghị quyết Đại hội VII (1991) tiếp tục xác định cải cách bộ máy nhà nước theo hướng tinh giản, gọn nhẹ và hoạt động có chất lượng cao trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật, quản lý (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1986). Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khóa VII (1995) lần đầu tiên xác định cụ thể 3 nội dung chủ yếu của CCHC, đó là: cải cách thể chế của nền hành chính; chấn chỉnh tổ chức bộ máy cùng quy chế hoạt động của hệ thống hành chính và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức hành chính (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1995). Sau đó, Nghị quyết các Đại hội VIII (1996), Đại hội IX (2001), Đại hội X (2006), Đại hội XI (2011), Đại hội XII (2016) tiếp tục khẳng định chủ trương của Đảng về CCHC, xác định CCHC là trọng tâm của việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, đồng thời đưa ra một loạt chủ trương, biện pháp cụ thể về CCHC. Nghị quyết Đại hội XIII (2021) của Đảng đã đề ra Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, trong đó xác định, trong ba đột phá chiến lược có hai nội dung định hướng quan trọng cho công tác CCHC, đó là: (1) Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, cạnh tranh hiệu quả. Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách...; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực bằng hệ thống pháp luật; (2) Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt.

Để thực hiện các chủ trương của Đảng về CCHC, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản quan trọng và tổ chức thực hiện một cách toàn diện, hệ thống, đồng bộ trên phạm vi cả nước. Tiêu biểu trong số đó là các Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2001 - 2010 (Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg ngày 17/9/2001) và giai đoạn 2011 - 2020 (Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011). Hai chương trình này đã cụ thể hóa những chủ trương của Đảng và thể hiện quyết tâm của Chính phủ trong việc xây dựng một nền hành chính dân chủ, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ nhân dân. Kết quả là CCHC ở nước ta trong những năm qua đã đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ, trên tất cả các phương diện. Đơn cử, để thực hiện các cam kết khi tham gia WTO, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 10/01/2007 phê duyệt Đề án đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010 (Đề án 30), với mục tiêu xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Đề án 30 đã tạo bước đột phá trong tiến trình cải cách thủ tục hành chính ở Việt Nam. Trong giai đoạn 2011 - 2020, Nhà nước tiếp tục triển khai thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh và hoạt động kiểm tra chuyên ngành, cắt giảm, đơn giản hóa danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành và đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Đến nay, khung khổ pháp luật về thủ tục hành chính của nước ta ngày càng được hoàn thiện và được tổ chức thực hiện ngày càng hiệu quả. Thủ tục hành chính đã được các bộ, ngành, địa phương từng bước rà soát, đơn giản hóa, chuẩn hóa và công bố, niêm yết, công khai tại những nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục, đồng thời được công khai trên Cổng thông tin điện tử của bộ, ngành, địa phương và trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, qua đó giúp người dân, doanh nghiệp, tổ chức dễ dàng truy cập để tìm hiểu và thực hiện. Các cơ chế một cửa, một cửa liên thông, các mô hình trung tâm phục vụ hành chính công và bộ phận tiếp nhận, trả

kết quả tập trung ở cấp tỉnh, cấp huyện đã được triển khai ở các địa phương với nhiều đổi mới về phương thức hoạt động, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tạo sự chuyển biến rõ nét trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Nhìn chung, dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, trong những năm qua, cải cách thủ tục hành chính ở nước ta đã được đẩy mạnh trong các lĩnh vực như xây dựng, đất đai, đầu tư, kinh doanh, thuế, kho bạc, hải quan... nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng. Đặc biệt, trong năm 2019 - 2020, một số hệ thống thông tin nền tảng của Chính phủ điện tử đã được chính thức vận hành, bao gồm: Trục liên thông văn bản quốc gia (khai trương ngày 12/3/2019), Hệ thống thông tin họp và xử lý công việc của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (khai trương ngày 24/6/2019), Cổng Dịch vụ công quốc gia (khai trương ngày 09/12/2019), Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia và Trung tâm thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (khai trương ngày 19/8/2020). Số lượng, chất lượng dịch vụ công trực tuyến mà Chính phủ cung cấp cho người dân, doanh nghiệp tại các bộ, ngành, địa phương cũng ngày càng được nâng cao. Hệ thống tiếp nhận, trả lời kiến nghị của doanh nghiệp và người dân đã được đưa vào vận hành, qua đó giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nắm bắt được các vấn đề phát sinh từ phía người dân và cộng đồng doanh nghiệp để chỉ đạo, giải quyết kịp thời. Những nỗ lực đó giúp chất lượng CCHC liên tục được cải thiện, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động công vụ, tạo ra bước chuyển căn bản trong giải quyết công việc giữa các cơ quan nhà nước với nhau, giữa cơ quan nhà nước với người dân, tổ chức, bảo vệ tốt hơn các quyền của công dân, quyền con người đã được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013.

Mặc dù vậy, trong lĩnh vực này vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật còn chậm ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật dưới các hình thức nghị định và thông tư đã diễn ra như một hiện tượng thường xuyên trong nhiều nhiệm kỳ Quốc hội và Chính phủ. Cho đến nay, tình trạng đó vẫn chưa được khắc phục và thậm chí, còn có những diễn biến đáng lo ngại hơn. Theo Báo cáo tổng hợp kết quả giám sát của Quốc hội khóa XIV (2016 - 2020) tính đến tháng 8/2020, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ đã ban hành văn bản quy định chi tiết được 485/572 (chiếm 85%) nội dung được giao trong các luật; còn 87/572 (chiếm 15%) nội dung chưa có văn bản quy định chi tiết được ban hành (Lan Hương, 2020). Trong 6 tháng đầu năm 2023, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ có nhiệm vụ ban hành 33 văn bản quy định chi tiết các luật đã có hiệu lực (18 nghị định, 05 quyết định, 10 thông tư). Tính đến 6/2023, đã ban hành được 18 văn bản (10 nghị định; 05 quyết định; 03 thông tư). Còn nợ ban hành 15 văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết đã có hiệu lực (Bộ Tư pháp, 2023). Việc đổi mới chức năng, nhiệm vụ của cả bộ máy HCNN còn chậm, chưa phù hợp với yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Hoạt động của bộ máy HCNN từ Trung ương đến địa phương vẫn chưa hoàn toàn thống nhất, thông suốt, vẫn còn tình trạng mệnh lệnh hành chính chưa được chấp hành một cách nghiêm túc, kỷ luật, kỷ cương hành chính vẫn còn lỏng lẻo. Tổ chức các bộ từ năm 2007 đến nay vẫn giữ nguyên số lượng, mặc dù thực tế cho thấy có khả năng tinh gọn hơn. Bộ máy bên trong các bộ, cơ quan ngang bộ còn chồng chéo, nhiều đầu mối, số đơn vị trực thuộc tăng lên với nhiều đơn vị có tư cách pháp nhân, làm cho tình trạng "Bộ trong Bộ" vốn là hạn chế chưa khắc phục được của việc sáp nhập các bộ, cơ quan từ giai đoạn trước càng nặng nề thêm. Mô hình tổ chức tổng cục, cục, vụ chưa thống nhất. Nhiều vấn đề tổ chức bộ máy HCNN chưa được quy định, hướng dẫn đầy đủ, cụ thể trong các văn bản pháp luật. Một số văn bản quy phạm pháp luật về công tác tổ chức bộ máy có nội dung mâu thuẫn, gây khó khăn cho việc triển khai thực hiện tại địa phương. Việc ban hành không kịp thời

các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện các quy định về tổ chức bộ máy đã dẫn đến tình trạng bị động, làm giảm tính đồng bộ khi triển khai kiện toàn tổ chức bộ máy ở các cơ quan, các địa phương. Nhìn chung, tổ chức bộ máy HCNN vẫn chậm được điều chỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả hoạt động còn hạn chế; chưa khắc phục được một cách triệt để những chồng chéo, giao thoa về chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ, cơ quan ngang bộ; nguyên tắc một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính chưa được thực hiện hiệu quả, dẫn đến vẫn phải phối hợp, họp nhiều, quy trình xử lý công việc chậm. Chức năng, nhiệm vụ, mô hình tổ chức của chính quyền địa phương được xác định và kiện toàn theo Hiến pháp và luật, bước đầu thực hiện cơ chế phân quyền, phân cấp, ủy quyền nhưng chưa đồng bộ và triệt để. Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện chưa được hoàn thiện theo hướng phát huy vai trò chủ động, sáng tạo và phù hợp với đặc thù của địa phương, mà cơ bản được tổ chức đồng nhất như nhau. Phân cấp, phân quyền giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với các Bộ, ngành; giữa Chính phủ, các Bộ, ngành với chính quyền địa phương còn nhiều hạn chế, có mặt bất cập. Đẩy mạnh phân cấp nhưng thiếu cơ chế kiểm tra, giám sát, làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực này; chưa có cơ chế tạo sự chủ động cho chính quyền địa phương trong việc quyết định tổ chức bộ máy phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương. Việc thực hiện chủ trương xã hội hóa và đổi mới, sắp xếp lại khu vực các đơn vị sự nghiệp công lập còn chậm, hiệu quả thấp. Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được đẩy mạnh; số lượng người làm việc trong các ĐVSNNCL vẫn tăng về số lượng, nhất là ở các địa phương. Xét riêng về CCHC, thủ tục hành chính trên số lĩnh vực vẫn còn nhiều và rườm rà, phức tạp. Việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành có lúc, có nơi còn chưa triệt để. Vẫn còn tình trạng “cài cắm” thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Một số cơ quan nhà nước chưa thực hiện nghiêm quy định niêm yết công khai các thủ tục hành chính (không niêm yết hoặc niêm yết các thủ tục hành chính đã cũ, hết hiệu lực) thuộc phạm vi giải quyết của mình. Một số bộ, ngành còn chậm công bố hoặc công bố thiếu đầy đủ các nhóm thủ tục hành chính thực hiện liên thông; danh mục thủ tục hành chính trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính còn chưa được các bộ, ngành, địa phương đồng bộ đầy đủ trên Trang/Cổng Thông tin điện tử của cơ quan mình. Tình trạng những nhiều, gây phiền hà hay chậm trễ của một bộ phận cơ quan, cán bộ, công chức HCNN trong giải quyết thủ tục hành chính vẫn còn xảy ra. Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến còn thấp, việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính còn yếu; việc xã hội hóa dịch vụ hành chính công đã triển khai ở một số ngành, lĩnh vực nhưng còn chậm; việc chuẩn hóa hồ sơ, biểu mẫu, quy trình giải quyết thủ tục hành chính thống nhất giữa trung ương và các cấp địa phương vẫn chưa thực hiện được, gây ra tình trạng trùng lặp, chồng chéo.

3. Phương hướng, giải pháp thúc đẩy cải cách nền hành chính nhà nước trong thời gian tới

Trước thực trạng nêu trên, Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu đẩy mạnh cải cách HCNN. Cụ thể, Nghị quyết xác định một trong những mục tiêu là: “Hoàn thành cơ bản việc xây dựng nền HCNN phục vụ Nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch; phân cấp, phân quyền hợp lý giữa trung ương và địa phương; cơ bản hoàn thiện tổ chức bộ máy chính quyền địa phương” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2022) và xem đó là một trong những nội dung trọng tâm của xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới.

Để đạt được mục tiêu nêu trên, Nghị quyết số 27-NQ/TW đồng thời xác định các nhiệm vụ, giải pháp đó là: Xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, khoa học, trong sạch, công khai, minh bạch, tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh CCHC, trọng tâm là nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức với ba trụ cột chính: Tổ chức bộ máy; công vụ, công chức; hành chính điện tử và chuyển đổi số. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt bỏ các thủ tục không cần thiết, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp, cản trở cạnh tranh lành mạnh; áp dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến; xây dựng nền kinh tế số, chính phủ số, xã hội số. Tiếp tục cải cách, nâng cao hiệu quả quản lý tài chính công, chất lượng dịch vụ công; sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, bảo đảm chất lượng, hoạt động hiệu quả. Tập trung phát triển toàn diện và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của nền hành chính quốc gia; cải cách mạnh mẽ chế độ công vụ, công chức; hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm, tiêu chuẩn nghiệp vụ, tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao bằng sản phẩm cụ thể và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Để thực hiện nhiệm vụ nêu trên trong Nghị quyết 27, cần nhận thức và giải quyết tốt một số vấn đề sau:

Về cải cách thủ tục hành chính

Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành phải đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, trọng tâm là thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Đất đai, xây dựng, đầu tư, bảo hiểm, thuế, hải quan, công an,... và các thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực khác có số lượng, tần suất giao dịch lớn. Đẩy mạnh việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện; loại bỏ các thủ tục, quy định rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức, trọng tâm là các quy định thủ tục liên quan đến hoạt động kinh doanh, kiểm tra chuyên ngành; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng các công nghệ số và các cơ sở dữ liệu sẵn có. Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính; tăng cường phân cấp giải quyết thủ tục hành chính; gắn với ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để nâng cao năng suất, chất lượng phục vụ với phương châm người dân, doanh nghiệp là trước hết và trên hết. Lấy kết quả đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức và người có thẩm quyền.

Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính

Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan HCNN các cấp. Làm rõ chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ trong mối quan hệ với Quốc hội, Tòa án Nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao theo quy định của Hiến pháp. Rà soát, hoàn thiện các quy định pháp luật để đảm bảo thực hiện đúng các quy định về phân công, phối hợp và kiểm soát hoạt động của Chính phủ với Quốc hội, Tòa án Nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao. Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng Chính phủ tập trung vào chức năng quản lý vĩ mô; xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; tăng cường năng lực dự báo, phân tích và đề xuất chính sách dựa trên luận cứ khoa học và thực tiễn trong điều kiện mới, bảo đảm nguyên tắc: “Nhà nước quản lý, điều hành nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ điều tiết trên cơ sở các quy luật thị trường”. Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện mô hình tổ chức Chính phủ theo

hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả trong bối cảnh đẩy mạnh phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số và chủ động tham gia, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên cơ sở sắp xếp, tổ chức hợp lý các bộ đa ngành, đa lĩnh vực; giảm số lượng Phó Thủ tướng Chính phủ; phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của tập thể Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ và thành viên Chính phủ là Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của cơ quan HCNN các cấp, cụ thể là rà soát, xác định rõ nhiệm vụ của các cơ quan hành chính phải thực hiện, những công việc cần phân cấp cho địa phương, cấp dưới thực hiện; công việc cần chuyển giao cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm; trên cơ sở đó thiết kế, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính phù hợp ở Trung ương và địa phương. Nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn, phạm vi quản lý đa ngành, đa lĩnh vực của một số bộ, ngành, nhất là những bộ, ngành có chức năng, nhiệm vụ tương đồng, trùng lặp để có giải pháp phù hợp và thực hiện kiện toàn, sắp xếp cơ cấu tổ chức, bảo đảm tinh gọn các bộ, cơ quan ngang bộ. Nghiên cứu, đề xuất mô hình cơ quan thực thi pháp luật độc lập trên một số lĩnh vực, nhằm phân định, tách bạch chức năng quản lý nhà nước, mà trọng tâm là hoạch định thể chế, chính sách của các bộ, cơ quan ngang bộ với chức năng thực thi chính sách, pháp luật của các cơ quan này để tinh gọn bộ máy HCNN. Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính. Định ra các quy chuẩn, nguyên tắc cho việc thiết kế các cơ quan HCNN ở Trung ương và địa phương, như: Các phòng, vụ, cục và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp,...Tiếp tục thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm. Sắp xếp, giảm tối đa các ban quản lý dự án, các tổ chức phối hợp liên ngành, nhất là các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách.

Hoàn thiện các quy định pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và thực hiện sắp xếp tổ chức chính quyền địa phương theo hướng phân định rõ hơn tổ chức bộ máy chính quyền đô thị, nông thôn, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật; nghiên cứu, thí điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Ban hành giải pháp khuyến khích sáp nhập, tăng quy mô các đơn vị hành chính các cấp ở những nơi có đủ điều kiện để nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tăng cường các nguồn lực của địa phương. Thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố. Thí điểm mô hình chính quyền đô thị trực thuộc cấp tỉnh, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt ở những nơi có đủ điều kiện. Nghiên cứu thí điểm thực hiện cơ chế nhân dân bầu trực tiếp người đứng đầu cơ quan hành chính của chính quyền đô thị, xã, thị trấn.

Đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động để tinh gọn đầu mối, khắc phục chồng chéo, dàn trải và trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ; đẩy mạnh xã hội hóa và nâng cao tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể là: Rà soát, hoàn thiện các quy định về tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo từng ngành, lĩnh vực; quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập, trọng tâm là các lĩnh vực: Y tế; giáo dục và đào tạo; lao động, thương binh và xã hội; khoa học và công nghệ; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông. Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần. Nghiên cứu, ban hành các biện pháp đổi mới phương thức quản lý, tổ chức và hoạt động

để nâng cao năng lực quản trị và nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khuyến khích đổi mới sáng tạo của đơn vị sự nghiệp công lập. Phát triển thị trường dịch vụ sự nghiệp công và thu hút mạnh mẽ các loại hình kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ công. Thực hiện thí điểm việc thi tuyển, thuê giám đốc điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

Tăng cường phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn với quyền hạn, trách nhiệm và năng lực thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước; khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước. rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương; phân cấp giữa các cấp ở địa phương theo hướng rõ thẩm quyền, trách nhiệm và các điều kiện bảo đảm thực thi nhiệm vụ được phân cấp. Ban hành cơ chế, chính sách kiểm soát quyền lực chặt chẽ, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch và đề cao trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ phân cấp. Triển khai các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.

Nghiên cứu, đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan HCNN các cấp trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ số; bảo đảm tính công khai, minh bạch, tăng cường sự tham gia của người dân trong hoạt động của nhà nước; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường điện tử, môi trường số.

Cải cách chế độ công vụ

Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng, quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức, bảo đảm đồng bộ với các quy định của Đảng về công tác cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, phẩm chất, cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý. Đổi mới công tác tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng, ban hành các quy định thực hiện thống nhất việc kiểm định chất lượng đầu vào công chức. Nghiên cứu thành lập cơ quan độc lập thực hiện kiểm định chất lượng đầu vào công chức, viên chức làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức tại bộ, ngành, địa phương. Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp vụ, sở, phòng và tương đương. Hoàn thiện các quy định về quản lý, hướng dẫn xây dựng vị trí việc làm. Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.

Xây dựng, hoàn thiện và tổ chức triển khai các văn bản pháp luật quy định về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang theo lộ trình cải cách chính sách tiền lương; quy định quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng trong các doanh nghiệp nhà nước; quy định về xác định tiền lương đối với sản phẩm, dịch vụ công ích. Nghiên cứu, đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể. Hoàn thiện quy định về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; xây dựng và ban hành quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những người có sai phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu. Có cơ chế

sàng lọc, thay thế kịp thời những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp và bị xử lý kỷ luật.

Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm. rà soát, sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và yêu cầu của vị trí việc làm, bảo đảm không trùng lặp, tiết kiệm, hiệu quả; rà soát, cắt giảm các chứng chỉ bồi dưỡng không cần thiết. Đổi mới cơ chế quản lý, chế độ chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi để tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững; khuyến khích bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách và quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung. Xây dựng và tổ chức triển khai có hiệu quả Chiến lược quốc gia về thu hút và trọng dụng nhân tài.

Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

Hoàn thiện môi trường pháp lý: rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng khung pháp lý của bộ, ngành, địa phương hỗ trợ xây dựng, phát triển Chính phủ số và Chính quyền số các cấp. Nghiên cứu, xây dựng Luật Chính phủ số và các văn bản hướng dẫn thi hành để triển khai thực hiện. Ban hành quy định về định danh và xác thực điện tử, hoàn thiện hành lang pháp lý để phổ cập danh tính số. Xây dựng các chính sách, quy định pháp lý về thuế, phí nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số. Phát triển hạ tầng số quốc gia: Phát triển hạ tầng truyền dẫn đáp ứng nhu cầu triển khai Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương. Phát triển hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương. Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả. Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, gắn kết với phát triển đô thị thông minh tại các bộ, ngành, địa phương.

Phát triển nền tảng và hệ thống số quy mô quốc gia: Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ/tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ của bộ, ngành, địa phương và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương. Phát triển các hệ thống đặc thù sử dụng trong phạm vi toàn ngành, địa phương để tiết kiệm thời gian, chi phí triển khai, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu... Xây dựng, phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Phát triển dữ liệu số quốc gia: Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số trong nội bộ của bộ, ngành, địa phương; thực hiện chia sẻ hiệu quả dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành với các địa phương; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật. Xây dựng kho dữ liệu để lưu trữ dữ liệu điện tử của các công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh. Xây dựng Hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp bộ, cấp tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu số từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra

thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số.

Phát triển ứng dụng, dịch vụ nội bộ: Phát triển hệ thống thông tin phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục phát triển, hoàn thiện Trục liên thông văn bản quốc gia; phát triển Nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP), kết nối, chia sẻ dữ liệu số, kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương. Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ, phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, tiến tới triển khai phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp. Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết nối, tích hợp theo thời gian thực với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, cơ quan, địa phương tại các cấp chính quyền; Hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi về thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, kết nối, liên thông với các hệ thống quản lý văn bản và điều hành của bộ, ngành, địa phương; Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

Phát triển các ứng dụng, dịch vụ nghiệp vụ, chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài bộ, ngành, địa phương theo nhu cầu. Đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyển đổi số và niêm phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ. Phát triển các hệ thống làm việc tại nhà, từ xa của các cơ quan nhà nước. Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động, internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội và các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính phủ điện tử tại bộ, ngành, địa phương.

Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp: Phát triển, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh trên cơ sở hợp nhất Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của các bộ, ngành, địa phương để cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hoàn thành việc tích hợp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 lên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu về các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và Cổng tham vấn điện tử theo Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025. Xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước. Phát triển, tích hợp các ứng dụng thanh toán điện tử, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để phổ cập, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.

Xây dựng, phát triển đô thị thông minh: Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế. Ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị như tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục, quản lý trật tự xây dựng và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí. Lựa chọn đô thị điển hình của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để triển khai thử nghiệm một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh; kịp thời sơ kết đánh giá và nhân rộng các mô hình hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

4. Kết luận

Cải cách nền hành chính nhà nước là một yêu cầu cấp thiết ở nước ta kể từ Đổi mới (1986). Để giải quyết yêu cầu đó, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có nhiều nỗ lực liên tục và đã đạt nhiều thành tựu quan trọng. Mặc dù vậy, hiệu quả cải cách hành chính nhà nước ở nước ta trong thời gian qua vẫn còn khá hạn chế, chưa đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của quá trình hội nhập quốc tế và xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta hiện nay.

Để thúc đẩy cải cách nền hành chính nhà nước, cần quán triệt các chủ trương có liên quan đề ra trong Nghị quyết 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới. Bên cạnh đó, cần triển khai thực hiện một loạt giải pháp đồng bộ, từ hoàn thiện thể chế cho đến phát triển nguồn nhân lực hành chính. Đặc biệt, cải cách nền hành chính nhà nước cũng cần phải gắn với đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả - một chủ trương mới được đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ 13, và cũng được nhấn mạnh trong Nghị quyết 27-NQ/TW năm 2022.

Tài liệu tham khảo

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Thế giới. *Báo cáo tổng quan: Việt Nam 2035: Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ*. Truy xuất tại <https://documents1.world-bank.org/curated/en/651001468190165513/pdf/103435-PUB-PUBLIC-VN2035-Vietnamese-Final.pdf>, truy cập ngày 12/12/2023.

Bộ Tư pháp (2023). *Tình hình thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh và ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh 06 tháng đầu năm và nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2023*. Báo cáo số 185/BC-BTP. Truy xuất tại <https://www.moj.gov.vn/>, ngày 02/02/2024.

Đảng Cộng sản Việt Nam (1986). *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Truy xuất tại <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-vi/nghi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-vi-cua-dang-1493m>, ngày 30/11/2022.

Đảng Cộng sản Việt Nam (1991). *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Truy xuất tại <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-vii/nghi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-vii-dang-cong-san-viet-nam-1487>, ngày 30/11/2022.

Đảng Cộng sản Việt Nam (1995). *Nghị quyết số 08-NQ/HNTW ngày 23/01/1995, thông qua tại Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính*.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2022). *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*. Truy xuất tại <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/>, ngày 10/4/2024.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật. Hà Nội. tr.249-250.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII. Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật. Hà Nội. tr.178.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. t.I. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2022). *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện*

Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới. Mục I – Tình hình. Cổng Thông tin điện tử Chính phủ. Truy xuất tại <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-27-nq-tw-tiep-tuc-xay-dung-va-hoan-thien-nha-nuoc-phap-quyen-119221126114455251.htm>, truy cập ngày 12/12/2023.

Lan Hương (2020). Tổng hợp kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật trong nhiệm kỳ quốc hội khóa XIV. Truy xuất tại <https://quochoi.vn/>, ngày 10/12/2022.

Jonathan Pincus (2009). Các thể chế và nền kinh tế thị trường - Nhập môn chính sách công. Chương trình giảng dạy Kinh tế Fulbright. Niên khóa 2009-2010.

World Bank (1992). Governance and Development. Washington, D.C. World Bank Group. Truy xuất tại <http://documents.worldbank.org/curated/en/604951468739447676/Governance-and-development>, ngày 10/12/2023.